**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn: TIẾNG VIỆT; Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 112: ưu ươu; Tiết: 253 + 254**

**Thời gian thực hiện: Ngày 10 tháng 02 năm 2025**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần **ưu, ươu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ưu, ươu**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ưu**, vần **ươu.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Hươu, cừu, khướu và sói**.

- Viết đúng các vần **ưu, ươu**, các tiếng (con) **cừu**, **hươu** (sao) cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**Giáo viên:**

-Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

**Học sinh:**

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

- Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn

- Bảng cài, bộ

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2ph****8ph****10ph****10ph****5ph** | **1. Hoạt động mở đầu:** Ổn định lớp**-** Cả lớp hát**2. Hoạt động hình thành kiến thức:****a, Hoạt động : Khám phá*****Dạy vần ưu*** - GV viết**: ư, u**. /HS: **ư - u - ưu.**- HS nói: con cừu. Tiếng **cừu** có vần **ưu**. / Phân tích vần ưu, tiếng **cừu**. Đánh vần, đọc trơn: *ư - u - ưu / cờ - ưu - cưu - huyền - cừu / con cừu.****Dạy vần ươu***: GV viết **ươ**, viết **u**. Đánh vần, đọc trơn: ươ - u - ươu / hờ - ươu - hươu / hươu sao.*\* Củng cố*: Cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học. \* GV: Hướng dẫn học sinh khuyết tật học hòa nhập Nhận biết các vần **ưu, ươu**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ưu, ươu****b,Hoạt động: Luyện tập****Hoạt động 1:*Mở rộng vốn từ*** (BT2: Sút bóng vào hai khung thành cho trúng - tổ chức vui)- GV chỉ hình, nêu YC: Mỗi HS là 1 cầu thủ, cần sút trúng bóng vào khung thành có vần **ưu**, có vần **ươu**.- GV chỉ từng quả bóng, 1 HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: **ốc bươu, quả lựu, ngải cứu**,.../ HS đọc thầm, làm bài.- 2 HS lên bảng thi sút bóng (dùng phấn nối bóng với khung thành). Cầu thủ 1 sút bóng có vần ưu vào khung thành **ưu**. Cầu thủ 2 sút bóng có vần **ươu** vào khung thành **ươu./** Báo cáo kết quả: Sút bóng có tiếng **bươu** vào khung thành vần **ươu**,... Cả lớp bình chọn người thắng cuộc (sút đúng, nhanh).- GV chỉ từng quả bóng, cả lớp: Tiếng **bươu** có vần **ươu**. Tiếng **lựu** có vần **ưu**.**Hoạt động 2:*Tập viết*** (bảng con - BT 4) a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học: **ưu, ươu, con cừu, hươu sao**. b) Viết vần: **ưu, ươu**- 1 HS đọc vần **ưu, ươu**, nói cách viết. / GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao cách nối nét giữa **ư** và **u**, dấu râu đặt trên **ư**. / Làm tương tự với vần **ươu**.- HS viết: **ưu, ươu** (2 lần). c) Viết tiếng: (con) **cừu, hươu** (sao)- GV vừa viết mẫu: **cừu**, vừa hướng dẫn. Chú ý dấu huyền đặt trên **ư**. / Làm tương tự với tiếng **hươu**. - HS viết: (con) **cừu, hươu** (sao) (2 lần).\* GV: Hướng dẫn học sinh khuyết tật học hòa nhập Viết đúng các vần **ưu, ươu**, các tiếng (con) **cừu**, **hươu** (sao) cỡ nhỡ (trên bảng con). **TIẾT 2****3.Hoạt động luyện tập, thực hành:*****Tập đọc*** (BT 3)a) GV chỉ hình minh hoạ bài **Hươu, cừu, khướu và sói**, giới thiệu hình ảnh từng con vật: **hươu, cừu, khướu và sói.**b) GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, gợi cảm; đọc lời kêu cứu của cừu, tiếng la to của khướu với giọng phù hợp. Giải nghĩa: **be** (tiếng cừu hoặc dễ kêu to), **co giò chạy** (co cao chân chạy vội).c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **hươu, cừu, khướu, suối, mò tới, thấy vậy, co giò chạy, lao tới vồ, cứu tôi với, chạy mất.**\* GV: Hướng dẫn học sinh khuyết tật học hòa nhập Luyện đọc từ ngữ: **hươu, cừu, khướu, suối, mò tới, thấy vậy, co giò chạy, lao tới vồ, cứu tôi với, chạy mất.**d) Luyện đọc câu - GV: Bài đọc có 12 câu. GV đánh số thứ tự từng câu. - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu (3 và 4), (7 và 8). - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp). e) Thi đọc 2 đoạn (8 câu / 4 câu); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc g1) Ghép đúng - GV chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc.- 1 HS làm mẫu: a) Cừu - 3) kêu to để cứu hươu. - HS làm bài. - 1 HS đọc kết quả (GV giúp HS nối các vế câu trên bảng lớp). - Cả lớp đọc kết quả (chỉ đọc từ ngữ): a) Cừu - 3) kêu to để cứu hươu. b) Khướu - 1) làm sói sợ, bỏ cừu, chạy mất. c) Ba bạn - 2) từ đó thân nhau.**4. Hoạt động vận dụng:**GV: Em thích nhân vật nào? Vì sao? (HS có thể thích cừu vì cừu tốt bụng, thấy sói đến, báo có sói để hươu trốn chạy. Có thể thích khướu vì khướu thông minh, la to “Hổ tới kìa!”, để đánh lừa, doạ sói, khiến sói sợ, bỏ cừu, chạy mất).- GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV: Câu chuyện khen ngợi những người bạn tốt biết giúp nhau, chống lại kẻ ác.**5. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**- GV nhắc HS về nhà xem trước bài 113 (oa, oe). | -HS hát-HS lắng nghe-HS theo dõi-HS trả lời-HS đọc-HS thực hiện-HS thực hiện-HS đọc-HS thực hiện-HS thực hiện-HS theo dõi, lắng nghe-HS quan sát-HS lắng nghe-HS đọc-HS trả lời-HS thực hiện-HS thi đọc-HS thực hiện-HS thực hiện-HS theo dõi, lắng nghe-HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**